TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 233/2018/DS-ST
Ngày: 04 – 4 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Kim Em.

2/ Ông Mai Trọng Thắng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2017/TLST–DS ngày 24/10/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Lầu 8, 266 – 268 N, Phường 8, Quận 3, TP Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trường Thịnh, sinh năm 1994

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1337/2017/UQ-TTT ngày 10/10/2017 và Văn bản ủy quyền số 020/2018/UQ-TTT ngày 02/01/2018).

Ông Phạm Trường Thịnh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Huy C, sinh năm 1984

Địa chỉ: 17/8 Tân Thuận Tây, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Huy C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/01/2012 ông Trần Huy C có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 81.722.236 (tám mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn hai trăm ba mươi sáu) đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo mức lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau, cụ thể tại thời điểm ông C ký hợp đồng với Ngân hàng thì mức lãi suất là 2.15%/tháng theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank và tại Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cũng quy định rõ về cách tính lãi.

Ngoài ra, ông C còn phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 97.770.000 (chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng, lần cuối ông C thanh toán số tiền 2.400.000 đồng vào tháng 10/2016. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Cụ thể, việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 11/01/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 34.491.367 (ba mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi mốt ngàn ba trăm sáu mươi bảy) đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 04/04/2018, ông Trần Huy C còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc : 34.491.367 đồng

Lãi quá hạn : 16.648.022 đồng

Tổng cộng : 51.139.389 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi mốt triệu, một trăm ba mươi chín ngàn, ba trăm tám mươi chín đồng)

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 34.491.367 đồng với lãi suất quá hạn là 3,225%/ tháng (2,15% * 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Trần Huy C yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Trần Huy C:

Buộc ông Trần Huy C phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/04/2018 là 51.139.389 đồng (năm mươi mốt triệu, một trăm ba mươi chín ngàn, ba trăm tám mươi chín đồng) trong đó nợ gốc: 34.491.367 đồng và nợ lãi quá hạn: 16.648.022 đồng.

Ngoài ra ông Trần Huy C phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 05/4/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại phiên tòa ngày 04 tháng 4 năm 2018:

Nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Phạm Trường Thịnh là người đại diện theo ủy quyền có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 30/3/2018 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn- ông Trần Huy C: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung vụ án, nhưng ông Trần Huy C vắng mặt trong toàn bộ quá trình toà án giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên toà ngày 04 tháng 4 năm 2018.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 BLTTDS; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Riêng bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. (vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án)

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Việc ông Trần Huy C đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (sau đây gọi là hợp đồng) để sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân là có thật.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 81.722.236 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 97.770.000 đồng.

Tính đến ngày 04/4/2018 ông C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 51.139.389 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 34.491.367 đồng; lãi quá hạn: 16.648.022 đồng. Mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng ông C vẫn không thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ trên là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông C vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điều 471 BLDS 2005;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông C phải thanh toán

cho ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 51.139.389 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 34.491.367 đồng; lãi quá hạn: 16.648.022 đồng. Trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông Trần Huy C còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng cho đến khi trả hết số tiền trên.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Huy C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ số dư nợ còn lại của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/01/2012. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn – ông Trần Huy C - có cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn ông Trần Huy C - đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Xét Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, ông Trần Huy C có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/01/2012. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Huy C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Việc tính lãi và lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận của các bên. Do đó, căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc buộc ông Trần Huy C phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/01/2012 nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể số tiền ông C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là 51.139.389 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 34.491.367 đồng; lãi quá hạn: 16.648.022 đồng).

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì tiền lãi sẽ được tiếp tục tính trên số dư nợ gốc thực nợ kể từ ngày 05/4/2018 trở đi, theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/01/2012 mà hai bên đã ký kết cho đến khi ông Trần Huy C trả hết nợ gốc.

[2.2] Về thời hạn trả: Xét ông Trần Huy C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận đã ký kết của các bên. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông

Trần Huy C phải trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Huy C phải chịu án phí dân sự là 2.556.969 (Hai triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi chín) đồng; Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005;

- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn - ông Trần Huy C.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

2.1. Buộc ông Trần Huy C phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 04/4/2018 cụ thể số tiền ông C phải trả là 51.139.389 (năm mươi mốt triệu, một trăm ba mươi chín ngàn, ba trăm tám mươi chín) đồng (Trong đó: Nợ gốc: 34.491.367 đồng; lãi quá hạn: 16.648.022 đồng).

2.2. Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 05/4/2018 trở đi theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 09/01/2012 cho đến khi ông Trần Huy C trả hết nợ gốc.

2.3. Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Huy C phải chịu án phí dân sự là 2.556.969 (Hai triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi chín) đồng, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.115.342 (Một triệu một trăm mười lăm ngàn ba trăm bốn mươi hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0024470 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7-Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Trần Huy C được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận: - Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh; - Viện kiểm sát nhân dân Quận 7; - Chi cục THADS Quận 7, - Các đương sự; - Lưu, hồ sơ. (TK Thơm)		**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **Nguyễn Thị Diễm Phương**